**TÒA ÁN NHÂN DÂN**
**HUYỆN AN BIÊN**
**TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2019/HNGĐ-ST
Ngày 09 - 4 - 2019
*"V/v Xin ly hôn".*

# NHÂN DANH
## NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
## TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN TỈNH KIÊN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Chọn

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Phạm Đức Hoài
2. Bà Đoàn Thị Kiều Oanh

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Võ Thúy Kiều - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên tham gia phiên tòa:*** Bà Lai Thị Ngọc Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Biên tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 211/2018/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2018 về việc "Xin ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2019/QĐST-HNGĐ ngày 20/3/2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Thị Kim T**, sinh năm 1969.
- Bị đơn: Ông **Dư Hoàng M**, sinh năm 1969.

Cùng địa chỉ: Khu phố C, thị trấn T, huyện A, tỉnh Kiên Giang

(Bà T có mặt tại phiên tòa, ông M vắng mặt tại phiên tòa).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Theo đơn khởi kiện và những ý kiến tại Tòa án bà Thị Kim T trình bày như sau:***

Bà Thị Kim T và ông Dư Hoàng M chung sống với nhau từ năm 1990, vợ chồng không có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương và cũng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Sau khi chung sống vợ chồng hạnh phúc được khoảng 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông M thường xuyên

đi nhậu về dùng lời lẽ thô tục xúc phạm bà, ông M còn dùng dao uy hiếp, tiền làm ra ông tiêu xài cá nhân không phụ giúp gì cho gia đình, bà đã khuyên ông nhiều lần nhưng ông M vẫn không sửa đổi nên vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2014 cho đến nay, nay xét thấy không thể tiếp tục chung sống với ông nên bà T làm đơn yêu cầu xin được ly hôn với ông M.

Về con: Bà Thị Kim T và ông Dư Hoàng M có 02 người con chung tên Dư Thị Hà N, sinh ngày 25/02/1991 và Dư Văn H, sinh ngày 12/9/1996, hiện các con của ông bà đã trưởng thành và phát triển bình thường nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Bà T xác định không có và cũng không ai nợ lại vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, bà Tkhông yêu cầu gì thêm.

***Bị đơn ông Dư Hoàng M*** đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các thông báo về việc thụ lý vụ án, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải (02 lần), nhưng ông M không hợp tác, cũng không trình bày ý kiến của mình gửi đến Tòa án, nên Tòa án không tiến hành hòa giải được và tiến hành làm các thủ tục tố tụng theo quy định của luật tố tụng dân sự và đưa vụ án ra xét xử vụ án theo thủ tục chung.

***Tài liệu, chứng cứ liên quan đến vụ án gồm:*** Đơn khởi kiện xin ly hôn; giấy chứng minh nhân dân; sổ hộ khẩu; giấy khai sinh; đơn xác nhận tình trạng cư trú của đương sự; biên bản ghi lời khai của đương sự; biên bản xác minh ngày 18/02/2019.

***Kết quả thu thập chứng cứ:*** Theo các biên bản xác minh ngày 18/02/2019 làm việc với đại diện Ban lãnh đạo Khu phố C cho thấy bà T và ông M sống với nhau năm 1990, vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do ông M thường xuyên đi nhậu với bạn bè về nhà dùng lời lẽ không hay xúc phạm bà T nên vợ chồng ông, bà đã sống ly thân mấy năm nay, trong thời gian chung sống vợ chồng bà T có 02 người con chung hiện đã trưởng thành.

**Tại phiên tòa hôm nay:**

Bà T giữ nguyên yêu cầu, ý kiến như đã trình bày trên. Ông M vắng mặt nên không có ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký và các bên đương sự đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Xét thấy yêu cầu xin ly hôn của bà Thị Kim T với ông Dư Hoàng M là căn cứ chấp nhận Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình; về con chung hiện đã trưởng thành nên không đề cập xem xét, về tài sản và nợ chung đương sự không yêu cầu nên không đề cập xem xét.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà T xin ly hôn với ông M, các đương sự có nơi cư trú trên địa bàn huyện An Biên. Căn cứ các Điều 28, 35 và 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: Sau khi vụ án được thụ lý, Tòa án đã giao các văn bản tố tụng hợp lệ cho ông M, thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải (02 lần), quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông Mvắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông Mtheo thủ tục chung.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Thị Kim T xác nhận bà và ông M chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1990 nhưng không có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương và cũng không có đăng ký kết hôn theo quy định, nay bà T xin ly hôn với ông M. Hội đồng xét xử thấy hôn nhân giữa ông bà không được pháp luật thừa nhận, do bà Tvà ông M không đăng ký kết hôn theo quy định cho nên căn cứ khoản 1 Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình Tòa án sẽ quyết định bằng Bản án tuyên bố không công nhận hai người là vợ chồng giữa ông bà.

[4] Về quan hệ con chung: Bà T và ông M có 02 người con chung tên Dư Thị Hà N, sinh ngày 25/02/1991 và Dư Văn H, sinh ngày 12/9/1996, hiện các con của ông bà đã trưởng thành và phát triển bình thường nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản và nợ chung: Bà T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không đề cập xem xét giải quyết.

[6] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 144 và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Do bà T là nguyên đơn nên chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Bà Thị Kim T có nghĩa vụ nộp án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 0005684 ngày 05 tháng 9 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

[7] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ chấp nhận như nêu ở phần nhận định trên.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 9, 14, 15, 53 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

**1.** Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa bà Thị Kim T và ông Dư Hoàng M.

**2.** Về con chung: Bà Thị Kim T và ông Dư Hoàng M có 02 người con chung tên Dư Thị Hà N, sinh ngày 25/02/1991 và Dư Văn H, sinh ngày 12/9/1996, hiện đã trưởng thành và phát triển bình thường nên không xem xét giải quyết.

**3.** Về tài sản và nợ chung của vợ chồng: Bà T khai nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

**4.** Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

Bà Thị Kim T có nghĩa vụ nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 0005684 ngày 05 tháng 9 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Vậy bà T đã nộp đủ án phí.

**5.** Quyền kháng cáo:

Án xử công khai, đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

*Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành bản án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Chi cục THADS huyện An Biên;
- VKSND huyện An Biên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký tên và đóng dấu)

**Trần Thị Chọn**

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN** **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Đức Hoài** **Đoàn Thị Kiều Oanh** **Trần Thị Chọn**